

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2025

**GIẤY TIẾP NHẬN  
ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 112./2025/DKSP

Sở Y tế Hà Nội xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH KỲ

Địa chỉ: Nhà L02, Dự án khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng,  
thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0949993883

Fax:

E-mail: uyenpham3110@gmail.com

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi:  
Kendamil Organic First Infant Milk 1

Sản phẩm trên do Kendal Nutricare Ltd, địa chỉ: Đường Mint Bridge, Kendal,  
Cumbria, LA9 6NL, Anh sản xuất, phù hợp: QCVN 11-1:2012/BYT Quy chuẩn kỹ  
thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm  
đã công bố. *goc*

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

TUQ. GIÁM ĐỐC *goc*  
CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC  
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE SINH THỰC PHẨM



*goc*  
Đặng Thanh Phong

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 01/2025/VINHKY

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH KỶ  
Địa chỉ: Nhà L02, Dự án khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: .....

E-mail: uyenpham3110@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0103705643

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 – 12 tháng tuổi Kendamil Organic First Infant Milk 1

2. Thành phần: Sữa nguyên kem hữu cơ, Whey khử khoáng hữu cơ (Sữa), Dầu thực vật hữu cơ (Dầu hướng dương, Dầu dừa, Dầu hạt cải), Sữa tách kem hữu cơ, Galactooligosaccharides hữu cơ (Sữa), Lactose hữu cơ (Sữa), Dưới 2%: Canxi citrate, Natri citrate, Kali clorid, Magie clorid, Dầu từ vi tảo Schizochytrium Sp., Natri ascorbate (Vitamin C), Kali hydroxit, Choline bitartrate, Inositol, Dầu từ Mortierella Alpina, Taurine, Sắt pyrophosphate, các Nucleotide (Cytidine-5'-monophosphate, Disodium Uridine-5'-monophosphate, Adenosine-5'-monophosphate, Disodium Inosine-5'-monophosphate, Disodium Guanosine-5'-monophosphate), Kẽm sulfat, Vitamin E, Niacin, Canxi pantothenate, Đồng sulfat, Thiamin, Riboflavin, Vitamin A, Vitamin B6, Mangan sulfat, Axit folic, Kali iodide, Natri selenite, Vitamin K, Vitamin D3, Biotin, Vitamin B12, Chất chống oxy hoá: Tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Xem ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên hộp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp thiếc, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.



- Quy cách đóng gói: 800g/hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Anh

Nhà sản xuất: Kendal Nutricare Ltd,

Địa chỉ: Đường Mint Bridge, Kendal, Cumbria, LA9 6NL, Anh.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 11-1:2012/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025  
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC  
Phạm Vũ Anh Uyên



## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

### 1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0 – 12 tháng tuổi Kendamil Organic First Infant Milk 1

**Thành phần:** Sữa nguyên kem hữu cơ, Whey khử khoáng hữu cơ (Sữa), Dầu thực vật hữu cơ (Dầu hướng dương, Dầu dừa, Dầu hạt cải), Sữa tách kem hữu cơ, Galacto-oligosaccharides hữu cơ (Sữa), Lactose hữu cơ (Sữa), Dưới 2%: Canxi citrate, Natri citrate, Kali clorid, Magie clorid, Dầu từ vi tảo Schizochytrium Sp., Natri ascorbate (Vitamin C), Kali hydroxit, Choline bitartrate, Inositol, Dầu từ Mortierella Alpina, Taurine, Sắt pyrophosphate, các Nucleotide (Cytidine-5'-monophosphate, Disodium Uridine-5'-monophosphate, Adenosine-5'-monophosphate, Disodium Inosine-5'-monophosphate, Disodium Guanosine-5'-monophosphate), Kẽm sulfat, Vitamin E, Niacin, Canxi pantothenate, Đồng sulfat, Thiamin, Riboflavin, Vitamin A, Vitamin B6, Mangan sulfat, Axit folic, Kali iodide, Natri selenite, Vitamin K, Vitamin D3, Biotin, Vitamin B12, Chất chống oxy hoá: Tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp).

### 2. Khối lượng tịnh: 800g/hộp

### 3. Hướng dẫn sử dụng:

**Đối tượng sử dụng:** Trẻ 0 – 12 tháng tuổi

**Thành phần dinh dưỡng/100g:** Năng lượng: 513kcal, chất béo: 27,4g, carbohydrat: 54g, chất đạm: 11,2g, Natri: 190mg, DHA: 125mg.

#### Chuẩn bị phần sữa đầu tiên cho trẻ sơ sinh

Mở nắp chống giả và vớt bỏ ngay lập tức một cách an toàn, tránh xa tầm tay trẻ em. Giữ nắp lon bằng cả hai tay, đặt ngón tay cái dưới mép và đẩy lên để mở nắp. Muỗng được giữ bên trong nắp. Mở niêm phong giấy bạc bằng cách kéo nhãn để mở một cách cẩn thận và an toàn, sau đó vớt bỏ giấy bạc.

1. Rửa tay, sau đó khử trùng dụng cụ ăn uống theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
2. Đổ đầy ấm với 1 lít nước máy mới (không sử dụng nước đun sôi nhiều lần). Đun sôi và để nguội trong 30 phút, giữ ở nhiệt độ ít nhất là 70°C. Đong lượng nước cần thiết vào bình đã khử trùng.
3. Sử dụng muỗng được cung cấp, thêm số lượng muỗng chính xác vào chai. Dùng cạnh thẳng bên trong nắp để san phẳng từng muỗng.
4. Đặt nút vú và nắp đã tiệt trùng vào bình và lắc đều để hòa tan bột.
5. Làm mát sữa công thức đến nhiệt độ cơ thể tự nhiên bằng cách cho bình sữa (mở nắp) dưới vòi nước lạnh. Luôn kiểm tra nhiệt độ của sữa công thức ở bên trong cổ tay của bạn.

#### Hướng dẫn pha sữa

Thêm 1 muỗng bột vào mỗi 30ml nước mới đun sôi và để nguội.

Tuổi	Cân nặng của bé	Lượng nước mỗi lần ăn <sup>1</sup>	Số thìa mỗi lần ăn <sup>2</sup>	Số lần ăn mỗi 24h
Mới sinh – 1 tuần	3.0kg	90ml	3	6
1-4 tuần	3.5kg	120ml	4	5
1-2 tháng	4.5kg	120ml	4	5
3 tháng	5.5kg	150ml	5	5
4-6 tháng	6.5kg	180ml	6	5
7-12 tháng		210ml	7	3

<sup>1</sup> Mới đun sôi và để nguội      <sup>2</sup> 1 thìa – 4.3g

Bảng cho ăn này chỉ nên được sử dụng như một hướng dẫn. Tất cả các em bé đều khác nhau và do đó có thể cần nhiều hơn hoặc ít hơn mức được nêu dưới đây. Sản phẩm này nên được cho ăn theo nhu cầu. Nếu bạn cần lời khuyên, hãy nói chuyện với chuyên gia chăm sóc sức khỏe của bạn.

**CHÚ Ý:** Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác.

Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

**5. Bảo quản:** Bảo quản nơi khô, mát trước và sau khi mở. Sản phẩm được đóng gói trong môi trường đảm bảo. Hạn sử dụng xem trên hộp. Sử dụng trong vòng 4 tuần sau khi mở. Không làm

lạnh và không trữ đông.

**6. Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Xem ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên hộp.

**7. Số ĐKSP:**

**8. Xuất xứ:** Anh

Nhà sản xuất: Kendal Nutricare Ltd,

Địa chỉ: Đường Mint Bridge, Kendal, Cumbria, LA9 6NL, Anh.

**9. Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm**

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH KỲ

Địa chỉ: Nhà L02, Dự án khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Thành phố Hà Nội

**10. Khuyến cáo, cảnh báo:**

- **Lời khuyên về dị ứng:** Đối với các chất gây dị ứng, xem thành phần được **in đậm**.
- Khi bú bình, không để sữa tiếp xúc lâu với răng của bé vì điều này làm tăng nguy cơ sâu răng. Đảm bảo răng của bé được làm sạch mỗi tối sau lần bú cuối cùng.
- Sử dụng đúng số lượng muỗng đã san bằng theo hướng dẫn. Dùng quá nhiều hoặc quá ít đều có thể khiến bé bị ốm. Nếu phần ăn của bạn không được sử dụng trong vòng 2 giờ, chúng tôi khuyên bạn nên bỏ nó đi và pha lại. Không thêm các sản phẩm thực phẩm như sữa bò vào sữa của bé và không hâm nóng lại trong lò vi sóng.
- Bảo quản không đúng cách có thể làm giảm chất lượng sản phẩm.



GIÁM ĐỐC  
*Phạm Vũ Anh Uyên*



GIÁM ĐỐC  
Phạm Vũ Anh Uyên

# NHÂN GỐC SẢN PHẨM

## welcome to our home

Kendamil is a family business located in the English Lake District, a UNESCO World Heritage Site and the place we proudly call home.

With over 60 years' expertise in infant nutrition, we combine wholesome, natural ingredients to develop a unique infant milk, crafted with kindness.



made with love  
from family farms

## from our family to yours



**UK RECIPE**  
Award-winning recipe developed in the UK



**FAMILY BUSINESS**  
Our family business puts your family first

## from farm to formula



**ORGANIC**  
Organic certified, with milk from grass-fed cows



**WHOLE MILK**  
Our iconic, fresh whole milk recipe



**NO PALM OIL**  
Putting your baby and their planet first



**PLANT-BASED DHA**  
Fish-free DHA protects marine ecosystems

## award-winning



**QUEEN'S AWARD**  
Proud winners of the Queen's Award

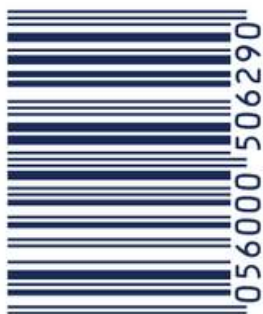


**TRUSTED GLOBALLY**  
60+ years' heritage, millions of happy families

## moving to stage 2

Kendamil Organic Follow-On Milk is designed to support your baby's changing needs through their next exciting phase of growth and development

- For infants 6-12 months
- Nutritionally balanced to support growth
- Organic, whole milk, no palm oil, no fish oil



HALAL APPROVED  
35343321



Certified by FR-BIO-01  
EU/NON EU agriculture

## enriched by science

60<sup>+</sup>  
years

expertise in  
infant nutrition



nutritionally  
complete<sup>1</sup>



contains  
DHA<sup>\*</sup>

<sup>1</sup>Suitable as the sole source of nutrition from birth to 6 months and as part of a weaning diet from 6 months to 1 year

<sup>\*</sup>as required by the legislation for all infant formula

## preparing your first infant milk

Snap open tamper-proof clip and dispose of immediately and safely, away from children. Hold the top of the can with both hands, place both thumbs under the lip and push up to open. The scoop is held inside the lid. Open the foil seal by pulling back on the easy open tab carefully and safely, then dispose of foil.



1 Wash hands, then sterilise your feeding utensils according to manufacturer's instructions.



2 Fill kettle with 1 litre of freshly run tap water (do not use repeatedly boiled water). Boil and leave to cool for 30 minutes, so it remains at a temperature of at least 70°C. Measure the required water into a sterilised bottle.



3 Using the scoop provided, add the correct number of levelled scoops to the bottle. Use the straight edge inside the lid to level each scoop.



4 Place a sterilised teat and cap on the bottle and shake well to dissolve powder.



5 Cool to a natural body temperature by running the bottle (lid on) under cold running water. Always test the temperature of the formula on the inside of your wrist.

## feeding guide

Add 1 level scoop of powder to each 30 ml of water<sup>a</sup>. This feeding table should only be used as a guide. All babies are different and may require more or less than is shown below. Kendamil Organic First Infant Milk should be fed on demand. If you need more advice talk to your healthcare professional.

Age of baby	Weight of baby	Water per feed <sup>a</sup>	Scoops per feed <sup>b</sup>	Feeds per 24 hours
Birth-1 week	3.0 kg 7lb	90ml	3	6
1-4 weeks	3.5 kg 8lb	120ml	4	5
1-2 months	4.5 kg 10lb	120ml	4	5
3 months	5.5 kg 12lb	150ml	5	5
4-5 months	6.5 kg 14lb	180ml	6	5
6 months	8.0 kg 18lb	210ml	7	4
7-12 months		210ml	7	3

<sup>a</sup>freshly boiled and cooled; <sup>b</sup>1 level scoop = 4.3g  
Assumes weaning at 6 months.

## IMPORTANT FEEDING INSTRUCTIONS:

Use the correct amount of levelled scoops as directed. Using too much, or too little can make your baby ill. Once feeding begins, use formula within 1 hour or discard. Do not add food products such as cows' milk to your baby's milk, and do not re-heat in a microwave.

**NHÃN GỐC SẢN PHẨM**



# Kendamil® organic



**first infant milk**

our award-winning recipe, made with love since 1962

**1** from  
birth  
breastmilk  
substitute



ORGANIC



WHOLE MILK



NO PALM OIL



PLANT-BASED DHA\*



VEGETARIAN



FAMILY BUSINESS

\*as required by the legislation for all infant formula

70564  
CÔNG  
CH NHIỆM  
AN XUÃ  
HƯƠNG  
VĨNH  
BÁC TỬ LIÊM

# NHÃN GỐC SẢN PHẨM

## ingredients

Organic Whole Milk, Organic Demineralised Whey (Milk), Organic Vegetable Oils (Sunflower Oil, Coconut Oil, Rapeseed Oil), Organic Skimmed Milk, Organic Galacto-oligosaccharides (Milk), Organic Lactose (Milk), **Less Than 2% Of:** Calcium Citrate, Sodium Citrate, Potassium Chloride, Magnesium Chloride, Oil from the Microalgae Schizochytrium Sp., Sodium Ascorbate (Vitamin C), Potassium Hydroxide, Choline Bitartrate, Inositol, Oil from Mortierella Alpina, Taurine, Iron Pyrophosphate, Nucleotides (Cytidine-5'-monophosphate, Disodium Uridine-5'-monophosphate, Adenosine-5'-monophosphate, Disodium Inosine-5'-monophosphate, Disodium Guanosine-5'-monophosphate), Zinc Sulphate, Vitamin E, Niacin, Calcium Pantothenate, Copper Sulphate, Thiamin, Riboflavin, Vitamin A, Vitamin B<sub>6</sub>, Manganese Sulphate, Folic Acid, Potassium Iodide, Sodium Selenite, Vitamin K, Vitamin D<sub>3</sub>, Biotin, Vitamin B<sub>12</sub>, Mixed Tocopherols.

**Allergy Advice:** For Allergens See Ingredients In **Bold**.

**IMPORTANT NOTICE:** Infant milk is suitable from birth, when babies are not breastfed and should only be used on the advice of a healthcare professional. Breast milk is best for babies and breastfeeding should continue for as long as possible. When bottle feeding, do not allow prolonged contact of milk feeds with your baby's teeth as this increases the risk of tooth decay. Make sure your baby's teeth are cleaned each night after the last feed.

**Store in a cool, dry place before and after opening. Packaged in a protective atmosphere. For best before, see base of can. Use within 4 weeks of opening. Do not refrigerate and do not freeze.**

## quality guarantee

Our product should reach you in perfect condition. If it does not, give us a call and we'll investigate it for you. Do not dispose of the pack or its contents. This guarantee does not affect your statutory rights.

## Speak to our Lake District team:

Our team of Mums and Dads are here to listen and share personalised support on feeding and parenting. We care about our families because we are one.

 **+44 1539 898 555**  
(8:00-22:00, 7 days a week)

 **+353 1 513 4013**  
(8:00-22:00, 7 days a week)

You can also contact us via WhatsApp, Facebook Messenger, Live Chat or Email at [enquiries@kendamil.com](mailto:enquiries@kendamil.com)

### Distributed in the UK by:

Kendal Nutricare Ltd,  
Mint Bridge Road,  
Kendal, Cumbria,  
LA9 6NL, England

### Distributed in the EU by:

Kendal Nutricare  
Unit 2017 Orchard Avenue,  
Dublin D24 AXR0, Ireland  
Product of the EU

## explore the world of Kendamil:

[kendamil.com](http://kendamil.com) | [@KendamilUK](https://www.instagram.com/KendamilUK)



**Kendal Nutricare** 800ge

CAN, FOIL,  
LID & SCOOP  
Widely Recycled

## nutritional values

	units	Per 100g	Per 100ml
Energy			
	kJ	2148	277
	kcal	513	66
Fat	g	27.4	3.5
of which saturates	g	9.7	1.3
of which unsaturates	g	17.7	2.3
<b>Omega 3</b>			
α-Linolenic Acid (ALA)	mg	430	55.5
Docosahexaenoic Acid (DHA)	mg	125	16.1
<b>Omega 6</b>			
Linoleic Acid (LA)	mg	4515	582
Arachidonic Acid (ARA)	mg	62	8
Total Carbohydrate	g	54	7
of which sugars*	g	52	6.7
of which lactose	g	50	6.5
Fibre	g	1.8	0.23
of which Galacto-oligosaccharides	g	1.7	0.22
of which 3'GL**	g	0.06	0.01
Protein (N x 6.25)	g	11.2	1.4
- Whey protein	g	6.4	0.8
- Casein protein	g	4.6	0.6
<b>Vitamins</b>			
Vitamin A	mcg-RE	390	50
Vitamin D <sub>3</sub>	mcg	10.4	1.3
Vitamin E	mg-α-TE	10.5	1.4
Vitamin K	mcg	28	3.6
Vitamin C	mg	70	9
Thiamin	mg	0.5	0.06
Riboflavin	mg	1.4	0.18
Niacin	mg	4.7	0.6
Vitamin B <sub>6</sub>	mg	0.4	0.05
Folate (DFE)	mcg	150	19.3
Vitamin B <sub>12</sub>	mcg	1.3	0.16
Pantothenic Acid	mg	3.8	0.49
Biotin	mcg	14	1.8
<b>Minerals</b>			
Sodium	mg	190	24.5
Potassium	mg	520	67
Chloride	mg	430	55.5
Calcium	mg	350	45.2
Phosphorous	mg	185	23.8
Magnesium	mg	50	6.4
Iron	mg	5.3	0.7
Zinc	mg	3.9	0.5
Copper	mcg	400	52
Iodine	mcg	95	12.3
Selenium	mcg	18	2.3
Manganese	mcg	70	9
Fluoride	mg	<0.1	<0.015
<b>Others</b>			
Taurine	mg	45	5.8
Choline	mg	155	20
Inositol	mg	90	11.6
L-Carnitine (naturally occurring)	mg	6.8	0.9
Nucleotides	mg	22	2.8

\*sugars derived from milk

\*\* 3'-GL – Galactosyllactose

FR  
82.121.102  
CE



Số: 61555/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 59332/PKN-VKNQG ngày 29 tháng 09 năm 2025

- Tên mẫu: Sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi: Kendamil Organic First Infant Milk 1
- Mã số mẫu: 092514584/DV.1
- Mô tả mẫu: Nguyên lon, 800 g/lon. Số lượng: 1.  
Số lô: 882966. NSX: 05/03/2025 - HSD: 05/03/2027
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 03/09/2025
- Thời gian thử nghiệm: 03/09/2025 - 29/09/2025
- Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Vĩnh Kỳ  
Địa chỉ: Nhà L02, Dự án khu Đô thị Nam Thăng Long,  
Phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>Bacillus cereus</i> giả định	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10)
9.2*	<i>Enterobacter sakazakii</i>	/10g	ISO 22964:2017	KPH
9.3*	Enterobacteriaceae	/10g	ISO 21528-1:2017	KPH
9.4*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 1)
9.5*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1)
9.6*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)
9.7*	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 60)
9.8*	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 30)
9.9*	Hàm lượng Melamin	mg/kg	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,05)
9.10*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.033 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,15)

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/  
This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam

Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thành Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hotline: 085 929 9595

Email: vkn@nifc.gov.vn

Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.11*	Hàm lượng Patulin	µg/kg	NIFC.04.M.343 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1,5)
9.12*	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 3)
9.13*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,030)
9.14*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.15*	Hàm lượng Chi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.16*	Hàm lượng Thiếc	mg/kg	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	0,078
9.17*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

Ghi chú: eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2025

**TUQ.VIỆN TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG KHOA**  
**NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN**



**ThS. Cao Công Khánh**

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (\*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.